

Số: /QĐ-TTHN

Tam Quan, ngày tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Hoài Nhơn năm 2026 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Hoài Nhơn năm 2026 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Hoài Nhơn năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HOÀI NHƠN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về Quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 về quản lý thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 44/2025/QĐ-CTUBND ngày 20/11/2025 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 07/02/2026 của Ủy ban nhân dân

tỉnh Gia Lai quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế Hoài Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-TTHN ngày 08/7/2026 của Giám đốc Trung tâm y tế Hoài Nhơn về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Hoài Nhơn năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 391/QĐ-TTHN ngày 22/7/2026 của Trung tâm Y tế Hoài Nhơn về việc Phê duyệt E-HSMT/hồ sơ mời thầu Gói thầu Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Hoài Nhơn năm 2026 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Hoài Nhơn năm 2026 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Hoài Nhơn năm 2026;

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSMT gói thầu Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Hoài Nhơn năm 2026 ngày 27/8/2026 của Tổ Chuyên gia;

Căn cứ Biên bản đối chiếu tài liệu của Trung tâm Y tế Hoài Nhơn và với các nhà thầu;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia, Trưởng khoa Dược - VT, TBYT, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Hoài Nhơn năm 2026 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Hoài Nhơn năm 2026, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600377100 - 00
- Tên gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Hoài Nhơn năm 2026.
- Giá gói thầu: **389.073.746 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi chín triệu không trăm bảy mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi sáu đồng).
- Tên Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế Hoài Nhơn
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

T T	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có)	Giá trúng thầu (VNĐ)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH THÁI TRƯƠNG	0401602516	112.280.000 02 phần (lô)	112.280.000 02 phần (lô)	-	-	112.280.000 02 phần (lô)	90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	(Phụ lục kèm theo)
2	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ ĐỈNH CAO	4300795516	149.600.000 02 phần (lô)	149.600.000 02 phần (lô)	-	-	149.600.000 02 phần (lô)	90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
3	CÔNG TY TNHH KIẾN TẠO	4101134695	111.400.000 03 phần (lô)	111.400.000 03 phần (lô)	-	-	111.400.000 03 phần (lô)	90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	90 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
Tổng: 03 nhà thầu							373.280.000			
Số tiền bằng chữ: Ba trăm bảy mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./.										

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu

Không có.

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu (Chi tiết tại Phụ lục 1, 2 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Khoa Dược – VT, TBYT phối hợp phòng Tài chính - Kế toán căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng khoa Dược - VT, TBYT, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, nhà thầu trúng thầu và các khoa phòng, bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo TTYT;
- Đăng tải trang MSC;
- Đăng Trang TTĐT tại đơn vị;
- Lưu: VT, P.TCKT, KD.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC**

Trần Hữu Vinh

Phụ lục 1

THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA, THIẾT BỊ TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTHN ngày /9/2026 của Trung tâm Y tế Hoàì Nhơn)

S T T	S T T	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mặt hàng dự thầu	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VND
Nhà thầu: CÔNG TY TNHH THÁI TRƯỜNG																
Địa chỉ: Lô 42 khu B2-60 Khu đô thị ven sông Hòa Quý - Đồng Nò, phường Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng, Việt Nam																
1	1	PP26 0028 0559	Máy truyền dịch	Máy truyền dịch	Máy truyền dịch	Ký mã hiệu: TE*LM73 0N01 Model: TE-LM730	Terumo	2025 trở về sau	Nhật Bản	Ashitaka Factory of Terumo Corporation	Chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm	Máy	3	9018	36.800.000	110.400.000
2	2	PP26 0028 0565	Máy test nhanh đường huyết	Máy test nhanh đường huyết	Máy test nhanh đường huyết	Ký mã hiệu: MS*FR30 1BM (Máy chính)	Terumo	2025 trở về sau	Trung Quốc	Hong Fu Jin Precision Electrons (Yantai) Co.,Ltd	Chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm	Máy	1	9027	1.880.000	1.880.000
Tổng: 02 mặt hàng/ 02 phần (lô)													112.280.000			
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)													Số tiền bằng chữ: Một trăm mười hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng			
Nhà thầu: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THIẾT BỊ ĐỈNH CAO																
Địa chỉ: Tổ dân phố Cộng Hòa 1, Phường Trương Quang Trọng, Tỉnh Quảng Ngãi																
3	1	PP26 0028 0560	Máy điện tim	Máy điện tim	Máy điện tim	FCP-8100	Fukuda Denshi	Năm 2025 trở về sau	Nhật Bản	Fukuda Denshi Co., Ltd.	Chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm	Máy	2	Thiết bị y tê	47.300.000	94.600.000
4	2	PP26 0028 0564	Giường tập bệnh	Giường tập bệnh	Giường khám - tập bệnh	PN35G.00	PhaNa	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại PhaNa	Chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm	Cái	10	Thiết bị y tê	5.500.000	55.000.000
Tổng: 02 mặt hàng/ 02 phần (lô)													149.600.000			
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)													Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng			

Phụ lục 2:**CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-TTHN ngày /9/2026 của Trung tâm Y tế Hoài Nhơn)

1. Tên phần lô: MÁY TRUYỀN DỊCH**I. Yêu cầu chung**

- Thiết bị sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100%
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE; sản phẩm này tuân thủ tiêu chuẩn IEC 60601-1.
- Nguồn điện sử dụng: AC100 đến 240V, 50/60Hz, nguồn pin: pin loại lithium-ion nằm bên trong máy.

II. Cấu hình:

- Máy chính: 01 Cái
- Dây nguồn: 01 Cái
- Giá treo cộc truyền: 01 Cái
- Cảm biến đếm giọt: 01 Cái (phụ kiện tùy chọn, đã được tích hợp trong máy chính).
- Pin tích hợp trong máy: 01 cái
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh, Tiếng Việt: 01 bộ

III. Tính năng, thông số kỹ thuật:

- Màn hình LCD. Hiện thị trạng thái: Tốc độ truyền, thể tích đã truyền, thời gian còn lại, áp lực tắc nghẽn và tên thuốc, tình trạng pin.
- Bộ dây truyền dịch và bộ dây truyền máu tương thích: các loại bộ dây truyền dịch tiết trùng và bộ dây truyền máu tiết trùng.
 - + Màn hình LCD: kích thước 4,3 inch
 - + Điều chỉnh độ sáng màn hình LCD: 5 mức
 - Thời gian truyền: Từ 1 phút đến 99 giờ 59 phút (bước đặt 1 phút)
 - Dải cài đặt tốc độ truyền dịch:
 - + Khi không sử dụng cảm biến đếm giọt: 0.1 đến 1200 mL/giờ
 - + Khi sử dụng cảm biến đếm giọt: 0.1 đến 1200 mL/giờ (khi cài đặt 20 giọt / mL); 0.1 đến 300 mL/giờ (khi cài đặt 60 giọt / mL).
 - Bước đặt: 0.1 mL/giờ (áp dụng cho dải từ 0.1 đến 100 mL/giờ); 1 mL/giờ (áp dụng cho dải từ 100 đến 1200 mL/giờ).
 - Dải cài đặt tốc độ truyền nhanh khi không cần ấn và giữ phím:
 - + 0.01 đến 10 (bước đặt 0.01)

- + 10 đến 100 (bước đặt 0.1)
- + 100 đến 999 (bước đặt 1)
- Có chức năng hiển thị dải hiển thị thể tích dịch đã truyền:
- + Từ 0,00 đến 10 mL (0,01 mL/ bước)
- + Từ 10 đến 100 mL (0,1 mL/ bước)
- + Từ 100 đến 9999 mL (1 mL/ bước)
- Chế độ đặt liều: chế độ mL/giờ, chế độ $\mu\text{g/kg/phút}$, chế độ mg/kg/giờ
- Dải cài đặt tốc độ đặt liều:
- + 0.01 đến 10 (bước đặt 0.01)
- + 10 đến 100 (bước đặt 0.1)
- + 100 đến 999 (bước đặt 1)
- (Đơn vị có thể là $\mu\text{g/kg/phút}$, mg/kg/giờ , ...).
- + Tốc độ liều sẽ là 0.00 mL khi bật nguồn máy
- Cài đặt cân nặng bệnh nhân: 0,1 đến 300 kg (bước đặt 0.1 kg)
- Độ chính xác:
- + Bộ dây truyền dịch chuyên dụng (có độ chính xác cao): trong vòng $\pm 3\%$
- + Bộ dây truyền dịch và bộ dây chuyên máu chuyên dụng: trong vòng $\pm 5\%$ (với các bộ dây truyền dịch và truyền máu có tốc độ truyền không đổi $\geq 1 \text{ mL/giờ}$).
- Tốc độ truyền giữ ven (KVO): tốc độ KVO được cài đặt trong khoảng từ 0.10 – 5.00 mL/giờ.
- Mức phát hiện tắc nghẽn:
- + Ngưỡng áp lực báo tắc trên: -100 đến -30kPa
- + Ngưỡng áp lực báo tắc dưới: 30 đến 120kPa
- Thay đổi tốc độ truyền/đặt liều khi máy đang hoạt động
- Báo động: Có khí trong dây truyền, cửa bơm mở, dòng chảy bất thường, dòng chảy tự do, hết dịch truyền, cảm biến đếm giọt bị ngắt, ắc quy yếu, báo động tắt máy, báo động khi ắc qui hỏng và mất điện lưới, báo động lại, báo động nhắc ấn phím Start, chưa cài đặt tốc độ truyền, chưa cài đặt thể tích dịch định truyền, tốc độ truyền đặt lớn hơn giới hạn thể tích dịch định truyền, hoàn thành thể dịch đặt trước.
- Các chức năng an toàn: Chọn áp lực báo tắc đường truyền, chọn độ nhạy báo động có khí trong dây truyền, chức năng cài đặt phát hiện gần hết thể tích dịch truyền, đường truyền tự động bị kẹp lại khi cửa bơm mở; Cài đặt giới hạn dải tốc độ A (giới hạn mềm). Cài đặt giới hạn dải tốc độ B (giới hạn cứng); Chức năng khóa bàn phím; Chức năng giảm tốc khi truyền nhanh.
- Mức kháng nước và bụi: đạt tiêu chuẩn IP22

2. Tên phần (lô): MÁY TEST NHANH ĐƯỜNG HUYẾT

I. Yêu cầu chung:

- Thiết bị mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau
- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485
- Điện nguồn sử dụng:
- + Pin Lithium CR2032 (x2)
- + Điện áp: 3.0 V (x2)

II. Cấu hình:

- Máy chính: 01 máy
- Que thử đường huyết: 30 cái (kèm theo đủ kim chích máu: 30 cái)
- Phụ kiện đi kèm: 01 bộ
- Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh+ Tiếng Việt: 01 bộ

III. Tính năng, thông số kỹ thuật:

- Hệ thống theo dõi lượng đường huyết hoạt động: Hệ thống theo dõi lượng đường huyết sử dụng công nghệ đo lường quang học chùm tia kép (Dual RS). Sau khi máu được hút tự động vào đầu thử, glucose trong mẫu máu phản ứng với enzym glucose oxidase trên đầu thử làm đổi màu của que thuốc thử. Máy sử dụng chùm tia kép phát ra 2 bước sóng khác nhau (bước sóng đỏ đo độ đổi màu của thuốc thử và bước sóng xanh đo mật độ máu để tự động điều chỉnh/bù trừ trị số Hematocrit), giúp giải mã kết quả chính xác mà không phụ thuộc vào giá trị Hematocrit.

- Thời gian đo: Máy cho kết quả sau 9 giây, kết quả tự động lưu vào máy
- Lượng mẫu tối thiểu: yêu cầu tối thiểu 0.5 μ L
- Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch
- Giá trị đo: Giá trị glucose huyết tương (Mẫu máu toàn phần nhưng kết quả hiển thị là giá trị glucose huyết tương)
- Phạm vi Hematocrit: 20 - 60 %
- Khoảng đo đường huyết: 1.1 - 33.3mmol/L (tương đương 20 - 600mg/dL)
- Kiểm tra kết quả xét nghiệm: sau tiếng bíp, thời gian xét nghiệm máu sẽ hiển thị ngày và giờ xét nghiệm.

- Bộ nhớ: Tổ đa 500 kết quả (Tự động lưu)
- Cổng trao đổi dữ liệu: Micro-B USB
- Dung dịch chứng: Có 3 mức kiểm chuẩn (Thấp - L, Trung bình - M, Cao - H) để xác thực độ chính xác vận hành của máy và que thử.

- Tính năng âm báo: Các âm thanh phát ra trong quá trình hoạt động của máy đo và chức năng báo thức nhắc lịch đo có thể tắt tiếng tùy chỉnh.

- Chế độ tự động tắt: Chức năng tắt nguồn tự động. Nếu không thực hiện thao tác

nào sau khi bật máy, máy sẽ tự động tắt sau 2 phút.

3. Tên phần (lô): MÁY ĐIỆN TIM

I. Yêu cầu chung:

- Thiết bị mới 100%,
- Sản xuất 2025 về sau
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, đạt tiêu chuẩn EU, sản phẩm này tuân thủ tiêu chuẩn an toàn điện quang y tế IEC 60601-1.

- Nguồn điện làm việc:

+ Nguồn điện lưới (AC): 100 - 240 V, tần số 50/60 Hz.

+ Nguồn pin sạc nội bộ (DC): pin loại Ni-MH dung lượng lớn 9,6 V DC

II. Cấu hình:

- Máy chính: 01 cái
- Điện cực kẹp chi: 01 bộ (04 cái)
- Điện cực ngực: 01 bộ (06 cái)
- Dây cáp: 01 bộ
- Dây nguồn: 01 bộ
- Dây tiếp đất bảo vệ có độ dài phù hợp: 01 bộ
- Máy in nhiệt tích hợp sẵn trong máy + Tập giấy in nhiệt chuyên dụng (Hỗ trợ cả dạng cuộn khổ OP-119TE 63mm x 30m và dạng xấp xấp khổ OP-122TE 63mm x 20m): 01 bộ.
- Gel điện tim: 01 cái (mua tại Việt Nam)
- Pin: 01 bộ (Kèm trong máy cho thời gian hoạt động liên tục lên đến 120 phút mà không cần cắm điện lưới)
- Xe đẩy máy: 01 cái (mua tại Việt Nam)
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ

III. Tính năng, thông số kỹ thuật:

- Màn hình LCD 7 inch, 800x480 dots (có đèn nền LED và hỗ trợ công nghệ vận hành thao tác trực tiếp bằng cảm ứng).

- Hệ thống phím bấm điều khiển vật lý: Các phím bấm: nguồn, Start/Stop, phím xem lại, phím thiết lập lại, phím tạo tín hiệu chuẩn 1mV, phím chuyển đổi đạo trình, phím điều chỉnh độ nhạy.

- Đạo trình đo: Đạt tiêu chuẩn ghi nhận đồng thời 12 đạo trình tiêu chuẩn cùng lúc trên màn hình, giúp cải thiện tối đa việc quan sát các dạng sóng quan trọng và nhịp tim bệnh nhân.

- Lựa chọn độ nhạy: Có 4 mức điều chỉnh cơ bản là 1/4, 1/2, 1, 2 và chế độ tự động

điều chỉnh độ nhạy.

- Thông số kỹ thuật bo mạch và xử lý tín hiệu:
- + Điện áp offset vi sai và đồng pha (Điện áp Tiếp xúc Điện cực - Da): Đạt từ ± 600 mV trở lên.
- + Chuyển đổi A/D: 18 bits
- + Hằng số thời gian: 3,2s hoặc lớn hơn
- + Tỷ lệ loại nhiễu đồng pha: 103 dB trở lên
- + Tần số lấy mẫu: 8000 mẫu/giây/kênh
- + Dải tần số đáp ứng: 0.05 Hz đến 250 Hz
- Hệ thống bộ lọc nhiễu tiên tiến:
 - + Bộ lọc AC: ≤ -20 dB tại tần số 50 Hz hoặc 60 Hz
 - + Bộ lọc nhiễu cơ: ≤ -3 dB tại tần số 35 Hz hoặc 25 Hz
 - + Bộ lọc dịch tần: ≤ -3 dB tại tần số 0,25 Hz hoặc 0,5 Hz
- Chế độ hoạt động:
 - + Tự động (Auto), Thủ công (Manual), Chế độ phân tích nhịp tim (Arrhythmia)
 - + Hệ thống in: Đầu in nhiệt độ
 - + Kênh in: Tùy chọn in linh hoạt 1 kênh hoặc 3 kênh dữ liệu.
 - + Tốc độ in giấy nhiệt: Hỗ trợ dải tốc độ cực rộng gồm các mức 5; 10; 12,5; 25; 50 mm/giây với sai số tốc độ chỉ từ $\pm 2\%$ trở xuống.
 - + Bộ ghi nhiệt tích hợp: Sử dụng khổ giấy nhiệt thông dụng rộng 63 mm
 - Khổ giấy hỗ trợ: Linh hoạt nhiều loại khổ, hỗ trợ cả dạng cuộn và xấp.
 - Cổng LAN: Tích hợp sẵn 01 cổng mạng LAN: Theo đúng chuẩn IEEE802.3u, tốc độ 100BASE-TX (cho phép chiều dài dây cáp kết nối lên tới 50m).
 - Khả năng xuất dữ liệu định dạng chuẩn quốc tế: Máy hỗ trợ xuất trực tiếp tệp tin định dạng văn bản chuẩn PDF ra bộ nhớ ngoài hoặc thư mục chia sẻ chung trong mạng nội bộ; hỗ trợ cổng kết nối tiêu chuẩn LAN hoặc USB để sẵn sàng tích hợp, sẵn sàng truyền thông tin hai chiều với hệ thống Quản lý dữ liệu, đồng bộ hóa tự động với Bệnh án điện tử (EMR) và Hệ thống phần mềm quản lý thông tin bệnh viện (HIS).
 - Cổng USB: tích hợp 02 cổng kết nối USB (tương thích chuẩn USB 2.0 Full Speed, hỗ trợ 3 kênh dữ liệu) để kết nối đầu đọc mã vạch, máy in ngoài hoặc lưu trữ dữ liệu.
 - Lưu trữ dữ liệu thăm khám (Internal Memory): Bộ nhớ trong của thiết bị có khả năng lưu trữ cực lớn, ghi nhận được dữ liệu sóng và kết quả phân tích của trên 500 cuộc thăm khám điện tim. Người vận hành có thể dễ dàng truy xuất dữ liệu cũ hiển thị lại trên màn hình LCD hoặc ra lệnh in lại khi cần.
 - Bộ xử lý đo lường:

- + Thông tin bệnh nhân: ID, tuổi, giới tính, chiều cao, cân nặng...
- + Thăm khám cơ bản: Nhịp tim, RR, PR, QRS, thời gian QT, QTcB, QTcF, trục điện, SV1, RV5...

IV. Yêu cầu khác

- Cam kết cung cấp Giấy chứng nhận kiểm định và dán tem kiểm định cho thiết bị về an toàn trước khi đưa vào sử dụng Thông tư 04/2026/TT-BKHCN ngày 27/02/2026 của Bộ Khoa Học Và Công Nghệ khi bàn giao. Chi phí kiểm định do nhà thầu chịu.

4. Tên phần (lô): GIƯỜNG TẬP BỆNH

I. Yêu cầu chung:

- Thiết bị mới 100%
- Sản xuất năm 2025 trở về sau
- Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485

II. Tính năng, thông số kỹ thuật:

- Chất liệu: Khung giường làm bằng chất liệu gỗ cừ tràm, sơn PU phủ hết các bề mặt, không thấm nước (Giường gỗ trang bị cho khu vực phục hồi chức năng, có sử dụng các thiết bị điện trị liệu và sóng điều trị nhằm hạn chế nhiễu điện từ, bảo đảm tính ổn định của thiết bị và nâng cao hiệu quả điều trị).
- Kích thước: Dài 2000mm x Rộng 700mm x Cao 650mm, chân vuông 10cm
- Nệm giường bọc similý dày 5 cm.
- Có lỗ trống giúp dễ thở ở tư thế sấp.

5. Tên phần (lô): MÁY SẮC THUỐC ĐÔNG Y

I. Yêu cầu chung:

- Thiết bị mới 100%.
- Năm sản xuất: 2026
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001.
- Điện nguồn sử dụng: 3pha/380V- 50Hz/TT/PE
- Điều kiện môi trường:
- + Thiết bị có thể hoạt động tốt ở 20 C – 40 C
- + Độ ẩm: 60% - 70%

II. Cấu hình:

- Thân máy sắc kèm cáp nguồn: 01 bộ
- Số lượng ấm: 24 ấm.
- Màn hình cảm ứng 7 inch: 1 cái

- Số lượng ẩm sắc thuốc tối đa: 24 ẩm/lần.
- Số lượng ẩm sắc thuốc tối thiểu: 6 ẩm/lần.
- Dây nối đất có độ dài phù hợp nơi đặt máy: 01 chiếc.
- Hướng dẫn sử dụng tiếng Việt: 01 quyển.

III. Tính năng, thông số kỹ thuật:

- Điều khiển: Hệ thống điều khiển: được lập trình và điều khiển tự động thông qua bộ điều khiển PLC và màn hình cảm ứng màu. Có khả năng lập trình điều khiển và mở rộng:

- + Kích thước màn hình: 7 inch
- + Độ phân giải màn hình: 800 x 480 pixel
- + Thông tin hiển thị như: nhiệt độ, các chương trình sắc thuốc, trạng thái của chu trình, các thông báo lỗi, thông số của hệ thống và dữ liệu sắc thuốc tổng thể, lỗi nhiệt độ, thời gian, nguồn điện, Hệ thống cảnh báo âm thanh và đèn báo.....
- + Có thể cài đặt chương trình sắc thuốc, thời gian theo yêu cầu của người sử dụng
- Thiết bị an toàn: Cảm biến nhiệt độ cắt toàn bộ hệ thống khi quá nhiệt, đồng hồ thời gian, rơ le bảo vệ khi quá tải....

- Phương pháp sắc: Đun trực tiếp
- Kích thước ẩm sắc thuốc: 12cm x 15cm x 22cm (ĐK x ĐK x C)
- Dung tích ẩm: 1,5 - 2,5 lít
- Vật liệu: Inox 304
- Công suất máy: 15 – 25kW
- Nhiệt độ làm việc ban đầu: 200°C
- Nhiệt độ duy trì: 80°C - 150°C
- Thời gian sôi: Khoảng 30 - 45 phút
- Cài đặt thời gian sắc: 0 - 6 giờ
- Lượng thuốc sau khi sắc: 150 – 250ml
- Nguồn nhiệt cung cấp: Điện trở khô
- Kích thước máy: 218cm x 80cm x 72cm (DxRxH)
- Trọng lượng máy/bao bì: 140kg/155kg
- Đóng gói: 1 kiện gỗ, bao bì gỗ dán
- Phạm vi bảo ôn: Nắp 3 lớp, thân 3 lớp

6. Tên phần (lô): XE INOX 02 TẦNG

I. Yêu cầu chung:

- Thiết bị mới 100%, được sản xuất từ năm 2026.
- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, ISO 9001.

II. Cấu hình:

- Xe đẩy tiêm 2 tầng: 01 cái.

III. Tính năng, thông số kỹ thuật:

- Chất liệu: Toàn bộ các chi tiết cấu thành từ chất liệu Inox SUS 304
- Kích thước: Dài 750mm x Rộng 500mm x Cao 800mm
- Chân bàn bằng ống inox phi 25.
- Mặt tầng xe: Thiết kế 02 tầng dập liền tấm nguyên khối, độ dày tấm inox mặt bàn 0.8mm, mặt dưới có gân tăng cứng.
- Khung chịu lực & Tay đẩy: Ống inox phi 25mm, độ dày ống 1.0mm; tay đẩy uốn cong tiện dụng.
- Gờ bảo vệ: Thiết kế lan can chống tràn ở các cạnh mặt bàn cao từ 50mm.
- Hệ thống bánh xe di chuyển: Gồm 04 bánh xe xoay linh hoạt 360 độ bằng chất liệu cao su giảm chấn hoặc nhựa lõi thép di chuyển siêu êm, đường kính phi 80mm. 4 bánh xe có khóa phanh hãm chân.
- Các mối hàn được mài phẳng, mịn đánh bóng kỹ.

7. Tên phần (lô): TỦ LẠNH CHUYÊN DỤNG (ĐỪNG VẮC XIN)

I. Yêu cầu chung:

Thiết bị mới 100%, được sản xuất từ năm 2025 trở về sau.

- Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE
- Đạt chuẩn WHO PQS.
- Nguồn điện sử dụng: 220V-240V/ 50Hz
- Nhiệt độ môi trường hoạt động: 5°C - 43°C

II. Cấu hình:

- Máy chính: 01 cái
- Giỏ đựng mẫu: 1 cái
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Việt, tiếng Anh: 01 bộ.

III. Tính năng, thông số kỹ thuật:

- Kiểu dáng: Ngang.
- Dung tích: 80 lít
- Kiểu làm lạnh: làm lạnh trực tiếp
- Chất làm lạnh: HC
- Độ ồn: < 40 dB (A)
- Bộ điều khiển: vi xử lý
- Màn hình: LED
- Dải nhiệt độ bảo quản: 2 – 8°C

- Bảo động: Nhiệt độ cao/ thấp, Lỗi cảm biến
- Bộ điều khiển: Mạch vi xử lý thông minh; Hiển thị nhiệt độ màn hình kỹ thuật số bên ngoài với độ phân giải hiển thị bằng 0.1 độ C.
- Chất liệu lòng tủ: thép phủ sơn đặc chủng chống ăn mòn.
- Thời gian giữ lạnh khi mất điện (Holdover time): Đảm bảo giữ nhiệt độ dưới +10 độ C liên tục 59 giờ 58 phút ở nhiệt độ môi trường lên đến 43 độ C
- Có khay lót đá giữ nhiệt
- Có thiết bị giám sát nhiệt độ từ xa: 1 cái
- Cảnh báo: Quá nhiệt (cao hơn +8 độ C hoặc thấp hơn +2 độ C), lỗi cảm biến, cửa tủ mở lâu, lỗi nguồn điện cấp.